

HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN TẠI QUỲNH NHAI, SƠN LA: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

Phí Thị Diễm Hồng*, Lê Thị Minh Châu

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

**Tác giả liên hệ: ptdhong@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 04.09.2020

Ngày chấp nhận đăng: 24.11.2020

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phản ánh thực trạng hoạt động của hình hợp tác xã (HTX) thủy sản tại Quỳnh Nhai, Sơn La, để nhận diện những rào cản trong quá trình phát triển loại hình hợp tác xã này tại địa phương. Với cách tiếp cận theo nhóm tiêu chí đánh giá hoạt động tại thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư áp dụng từ ngày 1/4/2020, nghiên cứu vận dụng khảo sát trên 21 HTX thủy sản và 107 thành viên tham gia HTX tại Quỳnh Nhai. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (i) các HTX thủy sản vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận chính sách về đất đai (diện tích lòng hồ) và tín dụng; (ii) Quy mô vốn và tài sản cho sản xuất nhỏ và siêu nhỏ; (iii) Chưa hình thành được chuỗi phát triển ổn định; (iv) Trình độ của cán bộ quản lý hợp tác xã còn hạn chế cho phát triển ở diện rộng.

Từ khóa: HTX thủy sản, Quỳnh Nhai - Sơn La, phát triển hợp tác xã.

Aquacultural Cooperatives in Quynh Nhai, Son La: Current Status and Policy Implication

ABSTRACT

This study analyzed the current status of aquacultural cooperatives in Quynh Nhai, Son La, in order to identify obstacles in the development of this cooperative type. Our research approach was made following the performance assessment criteria of Circular 01/2020/TT-BKHDT issuing on February 19, 2020 by the Ministry of Planning effectively from April 1, 2020, to do the survey on 21 aquaculture cooperatives and their 107 cooperative members in Quynh Nhai. The research results showed that: (i) the aquacultural cooperatives have still had difficulties in accessing policies on land (surface area) and credit; (ii) Small and micro scale of capital and assets for production; (iii) A stable development value chain has not yet been formed; (iv) The managers' competence was still limited for an extensive development or innovation.

Keywords: Aquacultural cooperatives, Quynh Nhai - Son La, cooperative development.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển HTX đã trở thành chủ trương xuyên suốt và nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua. Sơn La là một tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, số HTX giai đoạn 2011-2015 chỉ khoảng 160 HTX, nhưng chỉ sau 3 năm, đã lên gấp hơn 9 lần đạt 555 HTX (tại 12/2018), trong đó có sự phát triển của các HTX thủy sản tại Quỳnh Nhai. Đây chính là kết quả triển khai thực hiện chủ

trương về phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX kiểu mới (Luật HTX, 2012) của tỉnh và huyện ủy huyện Quỳnh Nhai thời gian qua (2017-2020). Thực tiễn, hoạt động của các HTX trong huyện đã mang lại nhiều lợi ích cho người dân, vừa cải thiện đời sống vật chất, góp phần thay đổi nhận thức cho họ về hình thức tổ chức sản xuất theo hướng hiệu quả và nhu cầu của thị trường, đồng thời đã có những đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện (UBND huyện Quỳnh Nhai,

2018; Hưng Nguyễn, 2018). Trong đó, các HTX thủy sản chiếm số lượng lớn (46/56 tổng số HTX tại huyện) và hoạt động hiệu quả chiếm ưu thế (hơn 65% HTX được đánh giá hoạt động tốt và trên 95% HTX hoạt động khá trên địa bàn huyện).

Tuy nhiên, phần lớn các HTX thủy sản tại đây vẫn có quy mô nhỏ, phạm vi hẹp. Số lượng HTX thành công vẫn còn hạn chế, các khâu tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của huyện. Nhiều HTX vẫn trong tình trạng khó khăn, yếu kém kéo dài, năng lực nội tại của các HTX còn yếu, cơ sở vật chất nghèo nàn, trình độ công nghệ lạc hậu (HĐND tỉnh Sơn La, 2017). Vì vậy, để phát triển HTX kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp theo chủ trương của tỉnh và huyện đề ra, thì việc tìm kiếm các giải pháp thúc đẩy phát triển HTX nói chung và HTX thủy sản hiện nay là cần thiết. Bài viết này, nghiên cứu tập trung đánh giá hoạt động của các HTX thủy sản tại Quỳnh Nhai trên cơ sở vận dụng các tiêu chí đánh giá HTX của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT) từ đó phát hiện những thuận lợi và khó khăn (rào cản) làm cơ sở đưa ra các kiến nghị phát triển HTX thủy sản trên địa bàn huyện.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cách tiếp cận và thiết kế nghiên cứu

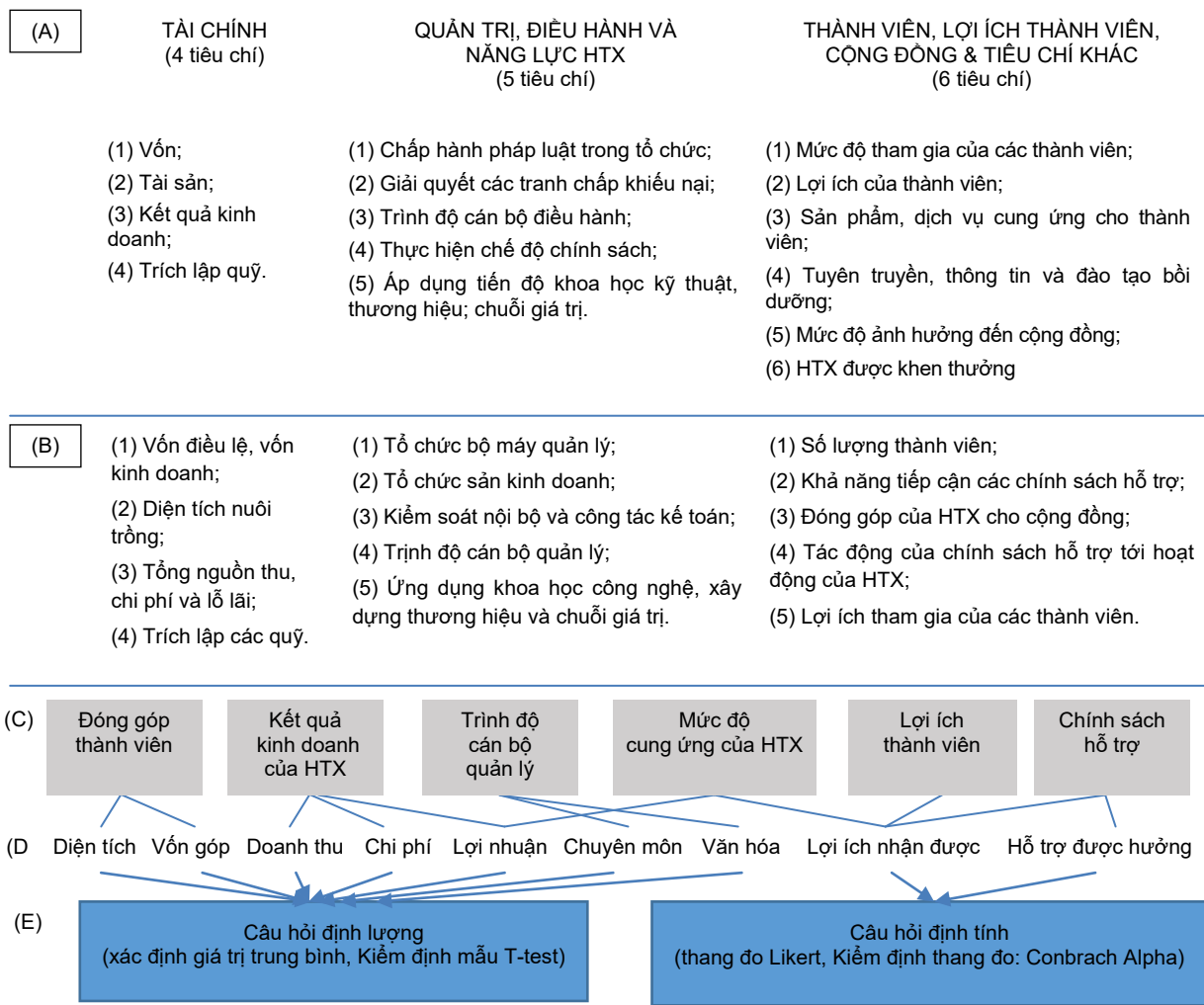
Phát triển HTX là sự gia tăng theo cả số lượng và chất lượng (hiệu quả hoạt động), khi càng nhiều HTX hoạt động hiệu quả thì số lượng HTX thành lập mới và mức độ hoạt động hiệu quả ngày càng tăng. Xét trọng phạm vi của một HTX, nếu các yếu tố về hiệu quả có xu hướng tích cực thì HTX hoạt động hiệu quả cũng có xu hướng tăng. Với cách tiếp cận này, nghiên cứu bắt đầu từ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động HTX tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, để xác định nội dung nhóm câu hỏi nghiên cứu và các chỉ tiêu có thể đo lường làm cơ sở thiết kế câu hỏi khảo sát và

phương pháp đo lường thông tin về phát triển loại hình HTX này tại địa bàn (Hình 1).

2.2. Nguồn dữ liệu và phương pháp phân tích số liệu

Nghiên cứu thực hiện khảo sát tại 21 HTX thủy sản (đăng ký kinh doanh là thủy sản hoặc có hoạt động nuôi trồng thủy sản), với 2 đối tượng chính: cán bộ quản lý và thành viên của HTX. Từ danh sách được cung cấp bởi cán bộ địa phương, chọn ngẫu nhiên 8/11 xã của huyện bao gồm cả 3 loại khá, trung bình và kém (theo xếp loại của địa phương). Mỗi HTX chọn từ 4-6 thành viên, không phân biệt về giới, tuổi và kinh nghiệm. Thông qua bộ câu hỏi được thiết kế sẵn bao gồm câu hỏi đóng và câu hỏi bán cấu trúc chia thành hai nhóm định lượng và định tính, số liệu thu thập được sau khi kiểm tra về độ tin cậy và ý nghĩa thống kê (sử dụng SPSS 20) sẽ được tổng hợp và sử dụng ở bước tiếp theo (nhận diện các rào cản và thuận lợi).

Đối với số liệu từ các câu hỏi dạng định lượng, trước khi dùng để phân tích sâu hoặc phân nhóm, các kiểm định T-test (one sample T-test) được sử dụng để đo lường về trị trung bình của tổng thể mẫu. Kết quả kiểm định (Bảng 1) cho thấy phần lớn các chỉ tiêu định lượng sử dụng có mức ý nghĩa thống kê cao vì giá trị kiểm định đạt $<0,001$ nhỏ hơn rất nhiều so với mức ý nghĩa 0,05 (độ tin cậy 95%). Đối với nhóm câu hỏi định tính sử dụng thang đo, nghiên cứu sử dụng kiểm định Cronbach alpha để đo lường mức độ tin cậy của thang đo, kiểm định KMO để xem xét sự thích hợp của các chỉ tiêu trong phân tích yếu tố ảnh hưởng. Kết quả cho thấy, chỉ có 2 nhóm chỉ tiêu (đóng góp của HTX với cộng đồng và khả năng quản trị và điều hành của bộ máy quản lý) thỏa mãn mức độ chặt chẽ trong thang đo, và 3 nhóm thích hợp cho sử dụng phân tích nhân tố (về chính sách, khả năng quản trị điều hành và tác động của HTX tới thành viên). Các nhóm chỉ tiêu còn lại, không đảm bảo mức độ chặt chẽ và thích ứng với phân tích nhân tố.



Ghi chú: (A, B) Theo TT 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020; (C): Nội dung nhóm câu hỏi; (D): Chỉ tiêu biểu hiện; (E). Phương pháp đo lường và dạng câu hỏi khảo sát.

Hình 1. Thiết kế nghiên cứu

Bảng 1. Kết quả kiểm định thang đo nhóm chỉ tiêu chính sách hỗ trợ và lợi ích của thành viên HTX

Nội dung nhóm chỉ tiêu	Tổng số chỉ tiêu sử dụng	Tổng số chỉ tiêu đạt ý nghĩa	Cronbach alpha	KMO và Bartlett's Test**	
				Giá trị KMO	Giá trị kiểm định
Đóng góp của HTX tới cộng đồng ¹	18	18	0,779	0,189	0,000
Chính sách hỗ trợ đối với HTX ¹	6	3	0,559	0,526	0,000
Khả năng quản trị và điều hành của HTX ¹	10	10	0,817	0,537	0,000
Tác động của HTX đến thành viên ¹	5	1	0,351	0,512	0,016
Lý do tham gia HTX của thành viên ²	12	0	0,063	0,473	0,132
Lợi ích của thành viên khi tham gia HTX ¹	4	0	0,127	0,421	0,066

Ghi chú: ¹với n = 21; ²với n = 107; * Thang đo đạt ý nghĩa khi giá trị Cronbach alpha ≥ 0,6; ** KMO đạt giá trị > 0,5 và < 1 thì phù hợp cho phân tích nhân tố.

Số liệu điều tra 2018-2019.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng hoạt động của các HTX thủy sản tại Quỳnh Nhai

3.1.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Khảo sát tại 21 HTX thủy sản và 107 thành viên HTX (Bảng 2) cho thấy, các HTX có diện tích nuôi bình quân 6.203m²; bình quân mỗi HTX có từ 15-16 thành viên với mức vốn điều lệ là 1,699 tỷ khi mới thành lập

Hầu hết các HTX được khảo sát thành lập trong vòng 3 năm trở lại đây (2015-2016), vốn góp bình quân 64,38 triệu đồng/thành viên, quy mô 7-8 thành viên, trong đó 3-4 thành viên trong Ban Quản trị; 2 thành viên Ban Giám đốc; 1 thành viên làm kế toán và 1 thành viên Ban kiểm soát. Về trình độ: 19,27% số thành viên Ban Quản trị đã từng được đào tạo bồi dưỡng chuyên môn (về quản lý, ít nhất là 1 lần); Ban Giám đốc là 33,33%, các con số này đối với bộ phận kế toán và Ban Kiểm soát tương ứng là 42,8% và 23,8%.

Bảng 2. Đặc điểm HTX và thành viên HTX trong mẫu khảo sát

Chỉ tiêu	Giá trị bình quân (n = 21)	Giá trị kiểm định (P value) ^a
Diện tích nuôi/HTX ^c (m ²)	6.203	0,002
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	1,699	0,002
Số thành viên (2019) (người)	15,6	0,000
Mức vốn góp bình quân/thành viên (triệu đồng)	64,38	0,000
Thành viên Ban Quản trị (người)	3,95	0,000
Thành viên Ban Giám đốc (người)	2	0,000
Thành viên kế toán (người)	1	0,000
Thành viên Ban Kiểm soát (người)	1	0,000
Số năm thành lập	3,5	0,000
Doanh thu của thành viên/năm ^a (triệu đồng)	748,52	0,000
Chi phí của thành viên/năm ^g (triệu đồng)	549,15	0,000
Lợi nhuận gộp ^h của thành viên/năm ^g (triệu đồng)	240,4	0,000
Trình độ văn hóa ^d		
Ban Quản trị	10,14	0,000
Ban Giám đốc	9,95	0,000
Kế toán	10,71	0,000
Ban kiểm soát	8,81	0,000
Trình độ chuyên môn ^e		
Ban Quản trị	0,76 (19,27% ^f)	0,000
Ban Giám đốc	0,67 (33,3% ^f)	0,000
Kế toán	0,43 (42,8% ^f)	0,01
Ban kiểm soát	0,238 (23,8%)	0,021
Doanh thu của HTX/năm ^a (triệu đồng)	1.301,7	0,000
Chi phí của HTX/năm ^g (triệu đồng)	1.033,8	0,000
Lợi nhuận gộp ^h của HTX/năm ^g (triệu đồng)	167,9	0,000

Chú thích: ^a: Kiểm định T-test (sig-2tail) với mức ý nghĩa 95%; ^c: Quy đổi từ diện tích 6mx6m/lồng; ^d: Tính theo năm đi học; ^e: Tính theo số người được bồi dưỡng trở lên; ^f: Tổng số người đào tạo/tổng số thành viên tương ứng của HTX; ^g: Chỉ tính cho nuôi trồng thủy sản (cá trắm, cá lăng, cá rô); ^h: Là phần chênh lệch giữa doanh thu và chi phí chưa tính đến nghĩa vụ thuế (nếu có).

Số liệu điều tra, 2018-2019.

3.1.2. Thực trạng hoạt động của các HTX Thủy sản

a. Thực trạng hoạt động theo nhóm chỉ tiêu tài chính

Bảng 2 phản ánh, vốn điều lệ của HTX thủy sản khảo sát đều dưới 2 tỷ đồng, các thành viên góp vốn bằng diện tích nuôi nhưng không hình thành được giá trị tài sản chung, tổng diện tích nuôi không thay đổi từ khi thành lập. Kết quả kinh doanh bình quân/năm/HTX (2018-2019): doanh thu đạt 1.301,7 triệu đồng, chi phí là 1.033,8 triệu đồng và lãi gộp đạt 167,9 triệu đồng. Các HTX đều tiêu thụ thông qua thương lái, chưa có kênh tiêu thụ ổn định hoặc nội bộ.

Đối với từng thành viên, bình quân doanh thu đạt 748,52 triệu đồng/năm, chi phí là 549,15 triệu đồng/năm và lợi nhuận đạt 240,4 triệu đồng. Các HTX hầu như chưa trích lập các quỹ phát triển hoặc dự phòng và số HTX có lợi nhuận không nhiều, trong đó 62% HTX trong mẫu đang kê khai doanh thu HTX (bán nông sản và cung cấp dịch vụ nông nghiệp) theo doanh thu của thành viên Ban Giám đốc để báo cáo, chưa có nguồn thu riêng; 28,6% HTX cho biết họ có thu nhập là do thu lại các thành viên theo tỷ lệ (2-5%) giá trị tiêu thụ qua HTX. Khoản thu này chủ yếu dùng cho mục đích thuế và duy trì các hoạt động chung tối thiểu của HTX.

Bảng 3. Trình độ đào tạo và số cán bộ trẻ của ban Quản trị HTX

Bộ phận quản lý	Tổng số (người) (n = 21)	Cao đẳng, đại học		Trung cấp		Cán bộ trẻ	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ* (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ* (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ* (%)
Ban Quản trị	83	3	3,61	6	7,22	3	3,6
Ban Giám đốc	42	2	4,76	6	14,29	2	4,76
Bộ phận Kế toán	21	3	14,29	9	42,86	1	4,76
Ban Kiểm soát	21	2	9,52	6	28,57	1	4,76

Ghi chú: *: So với tổng số thành viên của bộ phận quản lý tương ứng; Số liệu điều tra, 2018-2019

Bảng 4. Lợi ích thành viên tham gia HTX

Chỉ tiêu	Số lượng (n = 21)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu	Số lượng (n = 107)	Tỷ lệ (%)
Vật tư đầu vào (giống, thức ăn,...)					
Hỗ trợ về giá vật tư	5	23,8	Chất lượng vật tư tốt hơn	7	6,5
Tiêu thụ sản phẩm (cá thương phẩm)					
Hỗ trợ về tiêu thụ (giá, vận chuyển dịch vụ, chất lượng)	17	81,0	Giá bán có xu hướng ổn định hơn	89	83,2
			Bán được giá hơn	101	94,4
			Giá bán không đổi	11	10,3
			Chất lượng cung ứng tốt hơn (kịp thời, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng)	101	94,4
Vốn đầu tư và thu nhập					
Trích từ thu nhập (KQKD)	4	19,0	Thu nhập có xu hướng ổn định	95	88,8
Nhận ưu đãi từ các chương trình hỗ trợ	17	81,0	Thu nhập cao hơn (so với không qua HTX)	100	93,5
Các HTX đã nhận được hỗ trợ*	5	23,80			
Thông tin hỗ trợ					
Hỗ trợ của tổ tư vấn	16	76,19	Được cung cấp thông tin	87	81,3
Giới thiệu nguồn tiêu thụ	21	100			

Ghi chú: *: Hỗ trợ theo chính sách phát triển HTX và thủy sản lồng hồ, 5 triệu đồng/lồng; Số liệu điều tra 2018-2019.

b. Thực trạng hoạt động theo nhóm chỉ tiêu điều hành, quản trị và năng lực của HTX

100% các HTX thuộc mẫu khảo sát (Bảng 3) chấp hành đúng quy định về tổ chức và hoạt động. Tuy nhiên tỷ lệ cán bộ HTX đạt trình độ từ cao đẳng trở lên còn hạn chế: Hội đồng quản trị có 3,61%, Ban Giám đốc là 4,76%, bộ phận kế toán là 14,26% và Ban Kiểm soát là 9,52%. Số cán bộ trẻ (dưới 35 tuổi) tham gia quản lý HTX cũng chỉ đạt từ 3,6 đến 4,76%.

Khi lập kế hoạch kinh doanh, 90,5% HTX dựa vào ước lượng của Ban Giám đốc, chỉ có 9,5% số HTX thực hiện theo đơn hàng của khách, 19 trong 21 HTX lập kế hoạch thường xuyên, còn lại là dựa trên quyết định tức thời của Ban Giám đốc. Ngoài sử dụng giống mới (mua trực tiếp) và hệ thống lồng bê chắc chắn (khung kim loại) thì các HTX chưa có ứng dụng khoa học tiên tiến. HTX nuôi trồng chủ yếu theo truyền thống, hộ tự mua tự sản xuất trên diện tích của hộ bằng “kinh nghiệm” tự có hoặc “theo người đi trước”. Trong tiêu thụ, bên cạnh tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại (chủ yếu cấp huyện/tỉnh), một số HTX thực hiện kết nối với khách hàng qua các kênh internet cá nhân (như Zalo, Facebook), còn lại chưa chủ động tìm kiếm.

c. Thực trạng hoạt động theo nhóm chỉ tiêu thành viên, lợi ích thành viên và tác động của HTX đến cộng đồng

Số thành viên của các HTX khảo sát nhiều nhất là 46 và không có sự biến động trong 2 năm gần đây, 28,57% HTX số thành viên ở mức tối thiểu là 7. Các thành viên đều tham gia đại hội thành viên do HTX tổ chức (tối thiểu 1 lần/năm) và được giới thiệu nơi tiêu thụ, 23,8% HTX thực hiện ưu tiên về giá cho thành viên ở các khâu mua vật tư đầu vào và 81% HTX có thành viên tiêu thụ thông qua HTX làm đại diện. Trong 107 thành viên khảo sát, 6,5% được hỗ trợ giá vật tư đầu vào với chất lượng vật tư ổn định và 94,4% cho rằng có thể bán được giá cao hơn và đáp ứng được nhiều yêu cầu khách hàng nhiều hơn khi tham gia HTX, 93,5% đồng ý thu nhập của họ cao hơn, 88,8% thu nhập có xu hướng ổn định (theo hướng tích cực), và

81,3% được cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất từ Ban Quản trị.

Về phân phối thu nhập và nhận hỗ trợ, trên mẫu khảo sát 21 HTX, chỉ có 19% thực hiện phân phối (đó là các HTX hoạt động có lãi), 23,8% trong tổng số 81% HTX thuộc diện nhận hỗ trợ (theo chủ trương của tỉnh) đã được nhận. Về kiểm soát hoạt động, có 5 HTX thực hiện các hoạt động tự quản an ninh (trông lồng và bê nuôi) và giám sát hoạt động nuôi trồng (thân thiện với môi trường). Trong 2 năm gần đây, có 28,6% HTX khảo sát có khen thưởng từ cấp huyện trở lên.

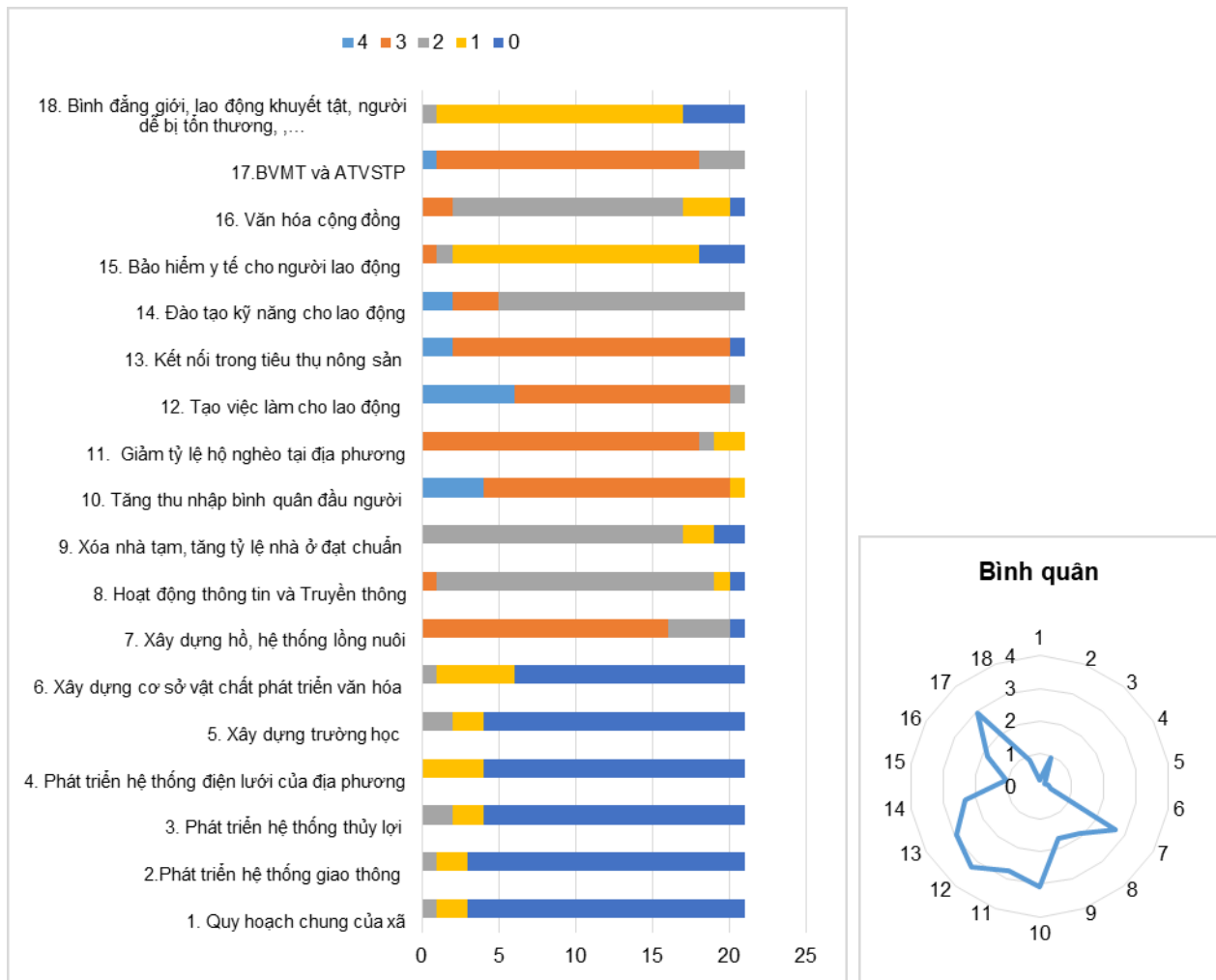
Số liệu khảo sát (Hình 2) phản ánh HTX có vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm, thúc đẩy việc tăng thu nhập, bảo vệ môi trường, kết nối tiêu thụ nông sản, và xây dựng hệ thống cải tạo hồ và lồng nuôi tại địa phương. Nhưng HTX không có vai trò hoặc vai trò không quan trọng trong việc phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, điện lưới hay quy hoạch chung của xã. Đối với các tác động khác như xóa nhà tạm, xây dựng cơ sở vật chất phát triển văn hóa, hay góp phần vào phát triển và bình đẳng giới, vai trò của HTX cũng còn hạn chế.

3.2. Một số thuận lợi và rào cản ảnh hưởng đến hoạt động của các HTX thủy sản tại Quỳnh Nhai

3.2.1. Thuận lợi

a. Chính sách hỗ trợ hợp lý là động lực đẩy phát triển HTX (số lượng và chất lượng)

Chìa khóa thúc đẩy cho khu vực kinh tế tập thể tại Quỳnh Nhai nói chung và các HTX thủy sản nói riêng là chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với HTX (2015-2020) được triển khai cụ thể và tạo được phong trào phát triển HTX. Điển hình là: chính sách hỗ trợ 5 triệu đồng/lồng nuôi (diện tích 6m × 6m) đã tạo ra xu hướng các thành viên muốn tham gia HTX tăng; chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý triển khai đồng loạt (90,5-100% HTX khảo sát) đã góp phần nâng cao kiến thức, kỹ thuật và tổ chức sản xuất của HTX, số thành viên sản xuất theo tiêu chuẩn cũng tăng.



Ghi chú: 4 = Rất quan trọng; 3 = Quan trọng; 2 = Bình thường/Trung bình; 1 = Ít quan trọng; 0 = Không quan trọng

Hình 2. Kết quả khảo sát tác động của HTX tới cộng đồng (n = 21)

b. Hỗ trợ có hiệu quả của tổ tư vấn HTX thủy sản

Tổ tư vấn 809 (thành lập theo Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 11/6/2018) được coi là một trong những điểm khác biệt so với nhiều địa phương khác (huyện, tỉnh khác) trong hỗ trợ phát triển HTX tại Quỳnh Nhai. 76,9% HTX khảo sát thường xuyên nhận tư vấn từ tổ tư vấn này và nội dung tư vấn đã góp phần thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp, xúc tiến thương mại, sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap của họ. Quan trọng hơn, tổ tư vấn đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của thành viên HTX trong bảo vệ môi trường, tuân thủ quy

định về truy xuất nguồn gốc, chú trọng áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào nuôi trồng, hướng đến ổn định diện tích thả nuôi và tăng năng suất.

c. Điều kiện lòng hồ thủy sản tự nhiên và nhu cầu thoát nghèo, làm giàu của các thành viên

Báo cáo của UBND huyện Quỳnh Nhai (2018) phản ánh toàn huyện có 196 bản, trên 13.000 hộ, hơn 62.620 nhân khẩu, sau khi 2.800ha diện tích đất canh tác nông nghiệp bị ngập (do làm thủy điện) tạo mặt hồ lớn có diện tích là 10.527,4ha thuộc 71 bản; 4.108 hộ; 19.444 nhân khẩu, nguồn nước vùng lòng hồ là

điều kiện phù hợp với điều kiện sinh trưởng và phát triển của cá (thức ăn tự nhiên, đa dạng phong phú...). Vì vậy, việc phát triển nông nghiệp chuyển hướng sản xuất sang nuôi cá lồng, đánh bắt thủy sản theo chủ trương của huyện là hướng đi có nhiều thuận lợi. Bên cạnh đó, nhu cầu làm giàu và thoát nghèo của người dân/hộ thành viên luôn tồn tại (chỉ tính trên mẫu khảo sát có trên 93,5% hộ thành viên mong muốn nâng cao thu nhập). Điều này sẽ là một trong các yếu tố cơ bản để thúc sự ra đời của các HTX thủy sản mới và hoạt động hiệu quả hơn.

3.2.2. Một số rào cản ảnh hưởng đến hoạt động của HTX

a. Chính sách đất đai (diện tích lòng hồ) và tiếp cận vốn tính dụng chỉ phù hợp với các HTX quy mô lớn

Hình 4 cho thấy, 100% HTX không có trụ sở làm việc và diện tích sản xuất riêng (khi đăng ký kinh doanh, trụ sở HTX đã lấy theo địa chỉ của Giám đốc/Chủ tịch Hội đồng quản trị). Các HTX đều có nhu cầu vay vốn nhưng không đủ điều kiện để thực hiện hồ sơ vay. Phỏng vấn sâu cho nội dung này, nghiên cứu thu thập được: tại Quỳnh Nhai để xét vay vốn từ quỹ hỗ trợ HTX, HTX đó phải có kế hoạch kinh doanh và vốn đối ứng; để vay vốn tại Ngân hàng Thương mại, thì HTX phải có tài sản thế chấp. Song thực tế, các HTX hiện tại chưa biết cách tự lập một phương án kinh doanh đúng. Số HTX (thành viên HTX “nghèo”), thiếu vốn là phổ biến trên địa bàn huyện, họ không có hoặc không thể có vốn đối ứng, cũng không có tài sản chung để thế chấp.

b. Quy mô vốn sản xuất nhỏ, thiếu tài sản chung đang là rào cản cho điều hành và quản trị HTX mở rộng

Các HTX thủy sản tại huyện phổ biến là nhỏ và siêu nhỏ, số HTX có thể mở rộng ở quy mô lớn, chuyên nghiệp còn rất hạn chế. Mặc dù về tổ chức bộ máy quản lý, các HTX khảo sát đều thực hiện đúng luật nhưng việc hoạt động theo đúng luật HTX 2012 lại không phổ biến, chỉ có 9,5% đạt mức độ chấp nhận được, 90,5% chưa đúng luật mà biểu hiện cụ thể là: chưa có tài sản chung, hoặc có chỉ là trang thiết bị làm

việc, văn phòng, dụng cụ sản xuất giá trị nhỏ, lạc hậu, hiệu quả không cao; số HTX chưa có lợi nhuận hoặc lợi nhuận không đáng kể là 95,2%, trong khi tính tuân thủ kỷ luật của các thành viên lại chưa cao (trung bình đạt 1,095 trên thang đo 2). Như vậy, các yếu tố nền tảng cho phát triển mở rộng gồm: vốn, lao động và giá trị thặng dư (lãi/kết quả kinh doanh) ở hiện tại đều chưa đủ cả về số lượng và chất lượng. Trong khi, doanh thu chung không có (hoặc có không đáng kể), các thành viên vẫn tự sản xuất trên diện tích của mình thì việc thực hiện quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh của Ban quản trị HTX rất khó thành công.

c. Liên kết phát triển chuỗi và thị trường tiêu thụ chưa ổn định

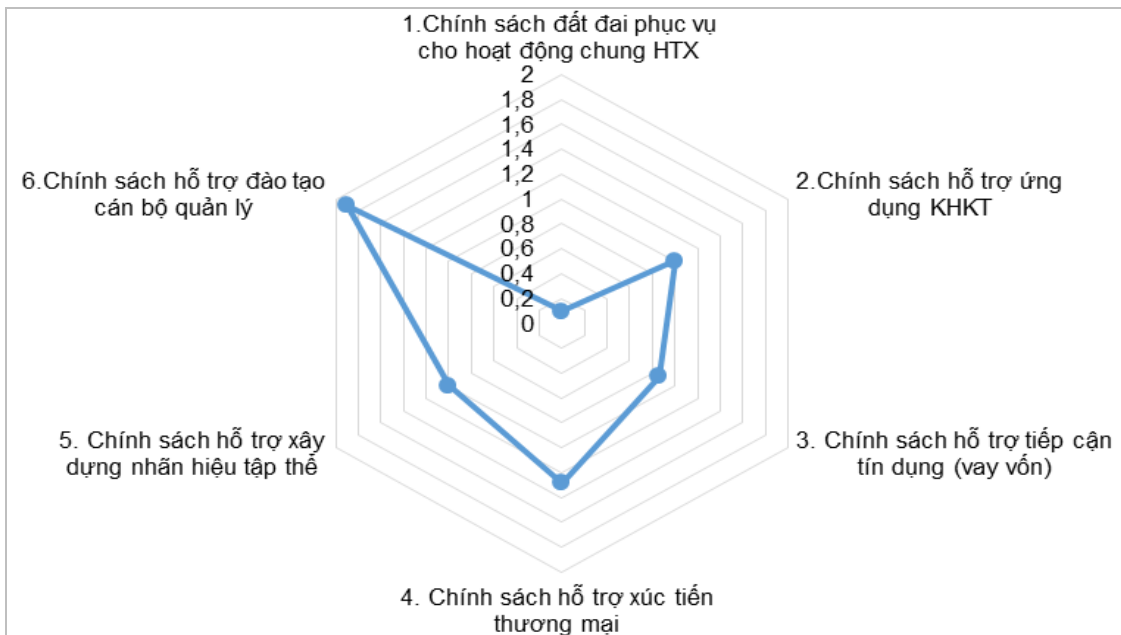
Trong 21 HTX khảo sát, 76,2% HTX phải tự tìm kiếm thị trường và gặp khó khăn trong tiêu thụ, 23,8% HTX cho rằng, chưa tìm được thị trường ổn định, 38,1% cho rằng cá của họ thường bị thương lái ép giá; 9,5% cho rằng họ phải đối mặt với việc giá thị trường xuống thấp. Thực tiễn, một số HTX đã thực hiện tổ chức mua và cung ứng sản phẩm chung qua HTX, nhưng cũng chỉ dừng ở 1 nhóm trong tổng số thành viên hiện có mà không thể áp dụng cho diện rộng toàn HTX (như HTX thủy sản Bản Bung, chỉ thực hiện với 12 trong tổng số 46 thành viên). Các kênh tiêu thụ của HTX chủ yếu dựa trên thông tin của bạn bè hoặc các mối quan hệ sẵn có của các thành viên ban Giám đốc, một số khác dựa trên thông tin có được thông qua các hội chợ xúc tiến thương mại tại địa phương, nhưng số lượng thương phẩm tiêu thụ vẫn ít hơn nhiều so với khả năng sản xuất. Do đó, phần lớn các hộ thành viên đều chọn phương án “mạnh ai, người đẩy bán” thay vì bán thông qua HTX.

d. Nhận thức về HTX và khả năng tổ chức sản xuất kinh doanh của cán bộ quản lý còn hạn chế

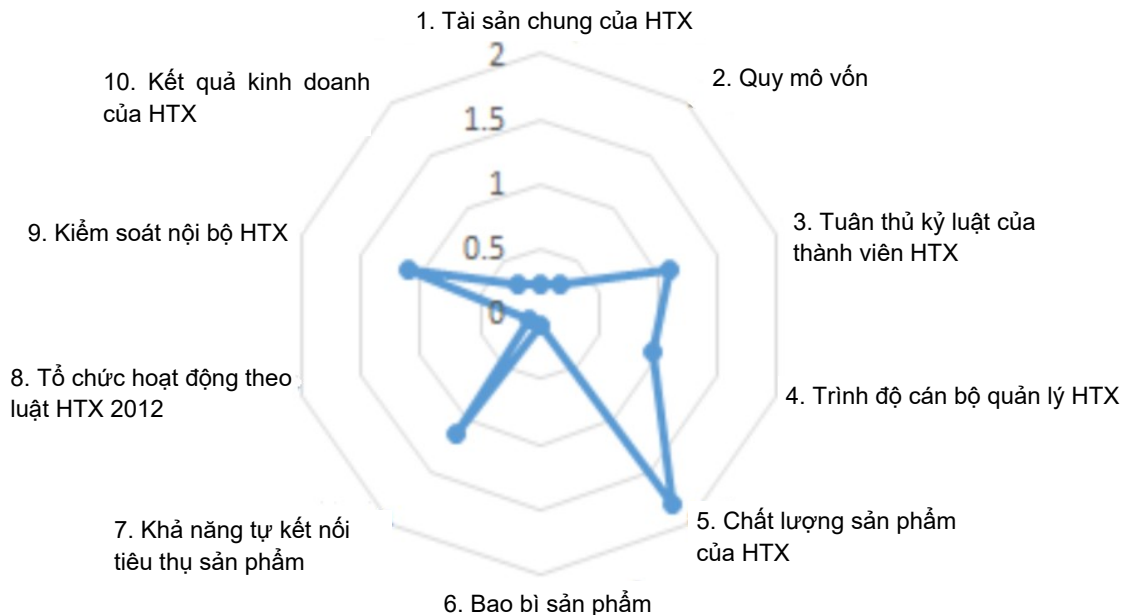
Hiện tượng các hộ thành viên tham gia vào HTX để hưởng hỗ trợ là phổ biến trong mẫu khảo sát, nhưng các thành viên lại không đánh giá cao vai trò gắn kết cộng đồng, định hướng sản xuất hay cung cấp dịch vụ của HTX (không

có nhiều hoạt động chung). Chính vì vậy, sau khi được hưởng hỗ trợ, thành viên lại không có hoặc rất ít tham gia vào các hoạt động tập thể như chia sẻ kỹ thuật nuôi, liên kết thị trường... 90,5% HTX khảo sát không biết sản phẩm chủ lực của địa phương hiện tại và thời gian tới là sản phẩm nào, chỉ có 23,8% HTX biết về chương

trình “mỗi xã một sản phẩm” trong khi tại Quỳnh Nhai phong trào phát triển sản phẩm OCOP đang được chính quyền địa phương ủng hộ và được nhiều tỉnh bạn học tập. Các HTX chưa kiểm soát được nguồn gốc hàng, vật tư đầu vào do không ghi chép sổ sách hoặc mã truy xuất nguồn gốc.



Hình 3. Rào cản về chính sách hỗ trợ HTX (n = 21)



Ghi chú: Mức độ đánh giá: 0 = không tốt; 1 = bình thường; 2 = tốt.

Hình 4. Khó khăn về quản trị và điều hành HTX (n = 21)

3.2.3. Kiến nghị

a. Hoàn thiện chính sách đất đai và tiếp cận tín dụng theo hướng ngày càng nhiều HTX nhận được hỗ trợ

Do các HTX thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu đang ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ nên để tiếp cận được vốn như quy định hiện hành là chưa phù hợp. Vì vậy, để hỗ trợ cho HTX “yếu thế” (thiếu diện tích, vốn và cơ sở hạ tầng phát triển), các chính sách đất đai và tín dụng cần được tiếp tục hoàn thiện theo hướng “nới lỏng” các điều kiện hỗ trợ tín dụng, triển khai linh hoạt và phù hợp với thực tiễn HTX như sử dụng tín chấp thay thế chấp,... Đối với chính sách giao đất/diện tích nuôi trồng cần dựa trên cơ sở quy hoạch tổng thể của huyện, thực hiện phân bố vùng nuôi hợp lý (đảm bảo vùng nuôi an toàn, không ô nhiễm), thực hiện chính sách ưu tiên để khuyến khích người dân/thành viên thực hiện “dồn điền, đổi thửa”, tiến hành giao hoặc cho HTX thuê (có thể thực hiện kết hợp giao 1 phần và thuê 1 phần dựa trên năng lực hồ sơ của HTX). Đối với chính sách tín dụng, nên giải ngân theo tiến độ thực hiện, với các thủ tục phù hợp với đặc thù của HTX thủy sản hơn (như tín chấp bằng phương án kinh doanh hoặc bảo lãnh của cơ quan chức năng địa phương...)

b. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và tham gia liên kết với HTX theo chuỗi

Nhiều nghiên cứu trước về liên kết chuỗi nông sản thực phẩm đã chỉ ra vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong liên kết chuỗi (Nguyễn Hoàng Sa, 2015; Trần Minh Vĩnh & Phạm Văn Đình, 2014). Do năng lực tài chính, tiếp cận thị trường các doanh nghiệp thường có nhiều lợi thế trong tạo sức hút về nguồn đầu vào để chế biến, và tiêu thụ sản phẩm đầu ra trong chuỗi. Nhưng số lượng doanh nghiệp hoạt động tại Quỳnh Nhai vẫn còn vắng bóng (UBND huyện Quỳnh Nhai, 2018). Vì vậy, để khuyến khích doanh nghiệp tham gia, Sơn La cần tăng cường các chính sách ưu đãi về đầu tư (miễn thuế thu nhập, tạo điều kiện thuê mặt hồ, diện tích sản xuất...).

c. Nâng cao năng lực và tạo nguồn cán bộ quản lý HTX

Với cả 2 kiến nghị nêu trên, việc thực hiện thành công phụ thuộc rất lớn vào vai trò dẫn

dắt và tổ chức của đội ngũ cán bộ quản lý HTX. Trong khi các thành viên Ban quản trị HTX còn hạn chế về năng lực (lập phương án/kế hoạch sản xuất, kỹ năng điều hành...) thì việc hoàn thiện kiến thức cho đội ngũ cán bộ hiện tại và xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận là việc làm cần thiết, đòi hỏi thường xuyên, liên tục. Ngoài được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng do các đơn vị chức năng thực hiện dành cho cán bộ HTX, bản thân các HTX cũng cần phải chủ động hoàn thiện đội ngũ cán bộ. Trên cơ sở chia sẻ cùng có lợi, mỗi cán bộ quản lý (đã qua bồi dưỡng) phải là một “người thầy” cho các thành viên còn lại nhận thức đúng về HTX cũng như về kỹ thuật nuôi trồng, tổ chức sản xuất, phát triển thị trường và tham gia chuỗi.

4. KẾT LUẬN

Các HTX thủy sản tại Quỳnh Nhai đã góp phần tích cực trong việc tạo việc làm và thu nhập của thành viên HTX, đồng thời cũng nhận được nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền tỉnh và huyện. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy, kết quả hoạt động của HTX còn hạn chế, nhiều HTX thủy sản vẫn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt về: (i) Chính sách đất đai và tiếp cận vốn tín dụng; (ii) Quy mô vốn sản xuất và tài sản chung còn thiếu; (iii) Liên kết phát triển chuỗi và thị trường tiêu thụ chưa ổn định; (iv) Nhận thức của thành viên về mô hình HTX và khả năng tổ chức sản xuất kinh doanh của cán bộ quản lý chưa cao. Để phát triển mô hình HTX thủy sản trong thời gian tới, cần ưu tiên thực hiện đồng bộ các nội dung sau: (1) Hoàn thiện chính sách về đất đai và tín dụng theo hướng ngày càng nhiều HTX được tiếp nhận; (2) Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư lĩnh vực thủy sản và tăng cường liên kết chuỗi tiêu thụ; và (3) Nâng cao năng lực và tạo nguồn cán bộ quản lý HTX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020). Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và Đầu tư về phân loại và đánh giá HTX.
- Bộ NN&PTNT (2017). Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ trưởng Bộ

- Nông nghiệp và PTNT về phân loại và đánh giá HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020). Sách trắng HTX Việt Nam năm 2020. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Hung Nguyên (2018). Huyện Quỳnh Nhai - Sức bật từ các Hợp tác xã Thủy sản. Truy cập tại <https://thoibaokinhdanh.vn/mo-hinh/huyen-quynh-nhai-suc-bat-tu-cac-htx-thuy-san-1046566.html>, ngày 13/12/2019
- HĐND tỉnh Sơn La (2017). Đề án Phát triển và Nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018-2020. Ban hành theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Sơn La.
- Nguyễn Hoàng Sa (2015). Kinh nghiệm xây dựng phát triển nông thôn ở Thái Lan và Trung Quốc: Bài học đối với Việt Nam hiện nay. Truy cập tại <https://www.academia.edu/7110552> ngày 10/7/2020.
- Quốc hội (2012). Luật HTX số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.
- Trần Minh Vĩnh & Phạm Văn Đình (2015). Một số giải pháp phát triển hợp đồng liên kết sản xuất-tiêu thụ lúa gạo ở tỉnh Đồng Tháp. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 12(6): 844-852.
- UBND huyện Quỳnh Nhai (2018). Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai của UBND huyện, 6/2018.
- UBND huyện Quỳnh Nhai (2018). Quyết định số 809/QĐ-UBND huyện Quỳnh Nhai ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc thành lập Tổ tư vấn HTX.